

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:310/QĐ-BVTE

Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán Thu - Chi năm 2024

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TRẺ EM

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 28/TCCQ ngày 09/01/1975 của Ủy ban Hành chính thành phố Hải Phòng về việc thành lập Bệnh viện Trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trẻ em trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND thành phố về việc thành lập Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em và phê duyệt Quy chế hoạt động tạm thời của Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Bệnh viện Trẻ em;



[Handwritten signature]

Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 43/2025/BCKT-CPAHATHANH ngày 07 tháng 2 năm 2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Hà Thành;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Sở Y tế và Sở Tài chính ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 01/2016/GPHĐ-BV ngày 29/8/2016 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng cấp cho Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán Thu - Chi năm 2024 của Bệnh viện Trẻ em (Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Kiểm toán; Sở Y tế và Sở Tài chính đã xét duyệt và thẩm định quyết toán Thu – Chi năm 2024).

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng, bộ phận có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Q.Giám đốc BV;
- Lưu VT, TCKT.



Q.GIÁM ĐỐC

Ths.BSCKII.Trần Minh Cảnh

Đơn vị: Bệnh viện Trẻ em
Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Kiểm toán độc lập;
Sở Y tế, Sở Tài chính đã xét duyệt và thẩm định quyết toán Thu - Chi năm 2024
(Kèm theo Quyết định số: 310/QĐ-BVTE ngày 19/3/2025 của Giám đốc Bệnh viện Trẻ em)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	373,917	373,917		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí (Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh)	373,917	373,917		
	Phí (dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)	353,475	353,475		
	Phí (hoạt động khác)	20,442	20,442		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	238,928	238,924		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	238,928	238,924		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	238,928	238,924		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	3,943	3,943		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí (Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh)	3,943	3,943		
	Phí (Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)	3,943	3,943		
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	0	0		
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	0		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

W

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



W